

Số: 2739 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 30 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB để xây dựng dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu đất phía Tây Trường Cao đẳng Bình Định, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn (đợt 1)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019; Quyết định số 58/2019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 và Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (năm 2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 14/5/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mã khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 4267/QĐ-UBND ngày 23/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đất phía Tây trường Cao đẳng Bình Định, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 4732/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và Kế hoạch lựa chọn Nhà thầu tư vấn Dự án: Hạ tầng kỹ thuật Khu đất phía Tây Trường Cao đẳng Bình Định, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 1380/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất ở cụ thể để phục vụ bồi

thường, hỗ trợ GPMB dự án Khu đất phía Tây Trường Cao đẳng Bình Định, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn;

Theo đề nghị của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh tại Tờ trình số 168/TTr-TTPTQĐ ngày 15/7/2024 và ý kiến thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 917/TTr-STNMT ngày 26/7/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB để xây dựng dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu đất phía Tây Trường Cao đẳng Bình Định, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn (đợt 1), với một số nội dung cụ thể như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) là **10.882.537.000 đồng** (Mười tỷ, tám trăm tám mươi hai triệu, năm trăm ba mươi bảy nghìn đồng), trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 10.669.154.000 đồng.
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 213.383.000 đồng.

(Trong đó, chi phí thẩm định 0,2% là 21.338.000 đồng. Riêng chi phí thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường là 14.937.000 đồng).

2. Nguồn vốn chi trả: Từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

(Chi tiết như Phụ lục kèm theo Quyết định này)

* Phần diện tích 34,4m² thu hồi đất nông nghiệp nằm ngoài ranh giới quy hoạch của dự án nêu trên, giao Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh bàn giao cho UBND phường Nhơn Phú quản lý và không được tính bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi phần đất này.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, hướng dẫn Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh chủ trì, phối hợp với các ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các hộ dân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K14, K16

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục

GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐẤT NÔNG NGHIỆP CHO CÁC HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT PHÍA TÂY TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÌNH ĐỊNH, PHƯỜNG NHƠN PHÚ, THÀNH PHỐ QUY NHƠN (ĐỢT 1)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Hộ dân	Địa chỉ	DT đất thu hồi trong MB				Tổng DT thu hồi	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)							Giá trị BT, HT (đồng)		
			DT đất được bồi thường	DT hỗ trợ bằng mức bồi thường	DT đất không BT, HT	DT đất thu hồi ngoài MB		Giá trị bồi thường đất trong MB	Giá trị hỗ trợ bằng mức bồi thường đất NN trong MB	Giá trị bồi thường đất ngoài MB	Giá trị hỗ trợ tự chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm trong MB	Giá trị hỗ trợ tự chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm ngoài MB	Vật kiến trúc	Cây cối		Hỗ trợ ổn định đời sống	
1	Nguyễn Văn Bình	Tổ 1, KP3, P.Nhon Phú	539,30				539,30	87.798.040				239.449.200		2.800.000	5.662.650	5.760.000	341.470.000
2	Nguyễn Thị Diễm Hồng	Tổ 1, KP3, P. Nhon Phú	1.032,80				1.032,80	168.139.840				458.563.200		27.903.600	10.844.400	5.760.000	671.211.000
3	Võ Văn Tịnh	Tổ 1, KP3, P. Nhon Phú	1.306,60	342,60	76,70	34,40	1.760,30	212.714.480	55.775.280	5.600.320		580.130.400	15.273.600	6.400.000	18.483.150	31.680.000	926.057.000
4	Nguyễn Văn Tâm	Tổ 2, KP5, P.Nhon Phú	2.208,60				2.208,60	359.560.080				980.618.400		5.600.000	9.938.700	5.760.000	1.361.477.000
5	Phan Văn Hoàng (chết), con Phan Thị Hương đại diện kê khai	Tổ 2, KP5, P. Nhon Phú	990,60				990,60	161.269.680				439.826.400		2.800.000	4.457.700	14.400.000	622.754.000
6	Nguyễn Văn Lãnh	Tổ 2, KP5, P. Nhon Phú	1.519,60				1.519,60	247.390.880				674.702.400			6.838.200	31.680.000	960.611.000
7	Nguyễn Văn Hơ	Tổ 2, KP5, P. Nhon Phú	360,10				360,10	58.624.280				159.884.400		2.800.000	2.268.630	7.200.000	230.777.000
8	Mai Thị Hoa	Tổ 4, KP5, P. Nhon Phú	1.167,90				1.167,90	190.134.120				518.547.600			7.357.770	109.440.000	825.479.000
9	Võ Văn Duyên (chết), con Võ Văn Phụng đại diện kê khai	Tổ 1, KP3, P.Nhon Phú	586,60				586,60	95.498.480				260.450.400		3.600.000	7.391.160	14.400.000	381.340.000
10	Lê Xuân Định, vợ Trần Thị Thu Hồng	Tổ 4, KP5, P.Nhon Phú	1.090,10				1.090,10	177.468.280				484.004.400		2.800.000	11.446.050	5.760.000	681.479.000
11	Phạm Thị Liễu	KP5, P. Nhon Phú	619,40				619,40	100.838.320				275.013.600		2.800.000	2.787.300	40.320.000	421.759.000
12	Trần Viết Long	Tổ 1, KP5, P. Nhon Phú	1.421,40				1.421,40	231.403.920				631.101.600		2.800.000	6.396.300	34.560.000	906.262.000

TT	Hộ dân	Địa chỉ	DT đất thu hồi trong MB			DT đất thu hồi ngoài MB	Tổng DT thu hồi	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)							Giá trị BT, HT (đồng)			
			DT đất được bồi thường	DT hỗ trợ bằng mức bồi thường	DT đất không BT, HT			Giá trị bồi thường đất trong MB	Giá trị hỗ trợ bằng mức bồi thường đất NN trong MB	Giá trị bồi thường đất ngoài MB	Giá trị hỗ trợ tự chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm trong MB	Giá trị hỗ trợ tự chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm ngoài MB	Vật kiến trúc	Cây cối		Hỗ trợ ổn định đời sống		
13	Lê Văn Cảnh	Tổ 2, KP5, P. Nhon Phú	1.623,20				1.623,20	264.256.960				720.700.800		2.800.000	7.304.400	63.360.000	1.058.422.000	
14	Trương Công Chính (chết), vợ bà Nguyễn Thị Minh Oanh	Tổ 2, KP5, P. Nhon Phú	1.164,80				1.164,80	189.629.440				517.171.200		2.800.000	5.241.600	80.640.000	795.482.000	
15	Nguyễn Văn Châu (chết), vợ Lê Thị Phước (chết), con Nguyễn Văn Tường đại diện kê khai	Tổ 2, KP5, P. Nhon Phú	719,80				719,80	117.183.440				319.591.200		2.800.000	3.239.100	41.760.000	484.574.000	
A	TỔNG GIÁ TRỊ BT, HT:																10.669.154.000	
B	CHI PHÍ PHỤC VỤ GPMB 2%: (A) x 2%																	213.383.000
C	TỔNG CỘNG (QUY TRÒN): (A) + (B)																	10.882.537.000